

BIÊN BẢN XÁC NHẬN

Cán bộ tham gia đề tài nghiên cứu khoa học sản xuất năm học 2021 - 2022
TẠI CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên hợp đồng	Số HĐ	Ngày ký HĐ	Tổng giá trị HĐ	Tổng số tiền chuyển về	Chủ nhiệm đề tài	Thành viên tham gia
1	Khảo sát địa chất công trình thủy điện Nậm Tăng 3, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái - Giai đoạn Nghiên cứu khả thi-thiết kế dự án	01-2020/HĐKT	10/7/2020	1.890	172	Trần Bá Duy	Lê Đức Vinh Nguyễn Thanh Tuấn
2	Gói thầu số 5: Tư vấn khảo sát, lập thiết kế kỹ thuật - dự toán kinh phí thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu huyện Bảo Thắng thuộc dự án tăng cường quản lý đất đai và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai	02/2021/HĐTV	30/8/2021	118	117	Lê Đức Vinh	Nguyễn Thanh Tuấn Nguyễn Mai Hà Trần Thị Thu Trang Đặng Lê Văn
3	Khảo sát địa chất công trình dự án: Nhà máy điện gió Nhơn Hòa 1 (giai đoạn thiết kế kỹ thuật)	37/2021/HĐTV/TO MAS-CODECO	16/01/2021	2.861	2.861	Nguyễn Hữu Tân	Lê Đức Vinh Nguyễn Thanh Tuấn Nguyễn Mai Hà Trần Thị Thu Trang Đặng Lê Văn

4	Khảo sát địa chất công trình dự án: Nhà máy điện gió Nhơn Hòa 2 (giai đoạn thiết kế kỹ thuật)	38/2021/HĐTV/TO MAS-CODECO	16/01/2021	2.734	2.734	Nguyễn Hữu Tân	Lê Đức Vinh Nguyễn Thanh Tuấn Trần Thị Thu Trang
---	---	-------------------------------	------------	-------	-------	----------------	--

XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY



GIÁM ĐỐC
PGS.TS. *Trần Đình Kiên*

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT**

Mã số thuế (Tax code): 0 1 0 1 0 7 4 3 3 6

Địa chỉ (Address): Số 36, ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại (Tel): 024.3755.0428

Email: codeco.mdc@gmail.com

Số TK (Acct No.): 111000037499- NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày (date) 27 tháng (month) 9 năm (year) 2021

Mẫu số (Template No): 01GTKT0/001

Ký hiệu (Serial No): MV/19E

Số (No): 0000120

Họ và tên người mua hàng (Buyer's name):

Tên đơn vị (Enterprise): CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Địa chỉ (Address): Số 41, ngõ 67, tổ 9, đường Khương Trung, P.Khương Trung, Q.Thanh Xuân, TP Hà Nội, Việt Nam

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản MST (Tax code): 0101785883

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Khảo sát địa chất công trình thủy điện Nậm Tăng 3, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái - giai đoạn Nghiên cứu khả thi - thiết kế dự án theo HD số 01 -2020/HĐKT ký ngày 10/07/2020.				1.718.515.514
Cộng tiền hàng hóa, dịch vụ (Sub total):					1.718.515.514
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10 %					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 171.851.551
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					1.890.367.065

Số tiền bằng chữ (In words): Một tỉ tám trăm chín mươi triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn không trăm sáu mươi lăm đồng chẵn.

Người mua hàng (Buyer)

Ký, ghi rõ họ tên (Signature & fullname)

Người bán hàng (Seller)

Ký, ghi rõ họ tên (Signature & fullname)

Được ký bởi CÔNG TY TNHH TƯ VẤN,
TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY
DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Ngày ký: 27/09/2021

Tra cứu hóa đơn tại website: <http://tracuuhoadon.minvoice.vn/> Mã tra cứu: 0C0DC742A9B73905

(Khởi tạo từ Phần mềm M-INVOICE - Công ty TNHH Hòa đơn điện tử M-Invoice - MST: 0106026495- SDT: 0901 80 16 18)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 01-2020/HĐKT

(V/v: Khảo sát địa chất công trình thủy điện Nậm Tăng 3, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái - Giai đoạn Nghiên cứu khả thi - thiết kế dự án)

Căn cứ:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Hợp đồng kinh tế số 27.03/2020/HĐ-TVKS kí ngày 27 tháng 03 năm 2020 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành với Công ty Cổ phần Tư vấn Tài nguyên và Môi trường Việt Nam về việc: Tư vấn khảo sát địa chất Dự án đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Nậm Tăng 3, địa điểm huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái giai đoạn nghiên cứu khả thi - thiết kế dự án.
- Nhu cầu và năng lực của hai bên tham gia hợp đồng.

Hôm nay, ngày 10 tháng 07 năm 2020, tại văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn Tài nguyên và Môi trường Việt Nam, chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty Cổ phần Tư vấn Tài nguyên và Môi trường Việt Nam

Đại diện Bà: Huỳnh Thị Liên

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

Địa chỉ ĐKKD: Số nhà 41, ngõ 67, tổ 9, đường Khương Trung, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

Địa chỉ VPLV: P1111, tầng 11, ĐN2, CT3, khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, TP Hà Nội

Điện thoại: 024 22253259

Mã số thuế: 0101785883

Tài khoản số: 115000012663

Tại Ngân hàng: TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân, TP Hà Nội

Bên B: Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mô Địa chất

Đại diện Ông: Trần Đình Kiên

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Số 36, ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Mã số thuế: 0101074336

Tài khoản số: 111000037499

Tại NH: TMCP Công thương VN - CN Nam Thăng Long, Hà Nội

Hai bên cùng nhau ký kết hợp đồng với các điều khoản như sau:

Điều 1. Nội dung công việc và khối lượng

- Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện công tác khảo sát địa chất thủy điện Nậm Tắng 3, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái - Giai đoạn Nghiên cứu khả thi - thiết kế dự án.

- Nội dung công việc:

Khảo sát địa chất công trình:

- + Lập bản đồ địa chất công trình
- + Khoan khảo sát (12 hố, tổng chiều sâu 440m)
- + Ép nước thí nghiệm trong lỗ khoan

- Tiến độ thực hiện: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và Bên A ứng tiền cho Bên B.

Điều 2. Sản phẩm giao nộp

- Hồ sơ khảo sát địa chất Dự án thủy điện Nậm Tắng 3, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.

- Số lượng: 7 bộ.

Điều 3. Giá trị và hình thức thanh toán

3.1. Giá trị hợp đồng đã bao gồm 10% thuế VAT: 1.890.367.065 đồng

(Bằng chữ: Một tỷ tám trăm chín mươi triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn không trăm sáu mươi lăm đồng).

(Kèm theo Bảng tổng hợp dự toán Hạng mục khảo sát địa chất công trình).

3.2. Tổng giá trị thanh toán của hợp đồng: Khối lượng thực hiện theo Bản nghiệm thu khối lượng công tác hoàn thành giữa hai bên A và B.

3.3. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

3.4. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng

3.5. Tạm ứng và thanh toán:

- *Tạm ứng:* Sau khi ký hợp đồng và Bên A nhận được tiền tạm ứng của chủ đầu tư, Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B số tiền tương ứng với 10% giá trị hợp đồng là: 189.000.000 đ *(Bằng chữ: Một trăm tám mươi chín triệu đồng chẵn)*. Bên B huy động nhân lực, thiết bị đến công trường và bắt đầu công tác khảo sát.

- *Thanh toán:* Bên A sẽ thanh toán giá trị còn lại của hợp đồng sau khi hồ sơ báo cáo được Chủ đầu tư và các cơ quan chức năng phê duyệt và Bên B hoàn thành nghĩa vụ của mình, hai bên làm hồ sơ nghiệm thu thanh lý hợp đồng.

- *Hồ sơ thanh toán bao gồm:*

- + Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành.
- + Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành.
- + Biên bản thanh lý hợp đồng.
- + Đề nghị thanh toán của Bên B.
- + Hóa đơn GTGT.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền lợi của các bên**Trách nhiệm, quyền lợi của bên A**

- Bên A xem xét và thông qua phương án thi công do bên B đề xuất;

- Ký biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành;
- Yêu cầu bên B sửa chữa những sai sót trong báo cáo.
- Tạm ứng và thanh toán cho bên B theo tiến độ như điều 3 của Hợp đồng.

Trách nhiệm và quyền lợi của bên B

- Làm việc với các đơn vị có liên quan để thực hiện công tác khảo sát;
- Tổ chức và thực hiện các đợt khảo sát như đã được thông qua theo phương án thi công và các điều chỉnh;
- Chỉnh sửa và hiệu đính các sai sót về tài liệu theo yêu cầu của bên A.
- Nộp các báo cáo đúng tiến độ;
- Xuất hoá đơn VAT khi kết thúc, thanh lý hợp đồng.
- Được tạm ứng và thanh toán theo tiến độ như điều 3 của hợp đồng.

Điều 5. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng

Toàn bộ hợp đồng được thực hiện trong thời gian dự kiến 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng.

Điều 6. Bất khả kháng

6.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các Bên theo quy định của pháp luật.

Việc một Bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- + Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.
- + Thông báo ngay cho Bên kia về sự kiện bất khả kháng trong vòng 7 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

6.2. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện Hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung, tạm dừng và chấm dứt hợp đồng

7.1. Sửa đổi bổ sung hợp đồng

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có sự bổ sung, thay đổi, điều chỉnh nội dung công việc của Hợp đồng này, hai Bên sẽ cùng trao đổi bàn bạc để thống nhất bằng văn bản trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mọi sự thay đổi, bổ sung của hợp đồng này sau khi đã được phê duyệt, hai Bên phải lập và ký kết Phụ lục hợp đồng. Các phụ lục hợp đồng là những bộ phận không thể tách rời hợp đồng này.

7.2 Tạm dừng thực hiện hợp đồng

Các trường hợp tạm dừng thực hiện hợp đồng:

- Do lỗi của Bên A hoặc Bên B.
- Các trường hợp bất khả kháng.
- Các trường hợp khác do hai bên thoả thuận.

Một bên có quyền tạm dừng hợp đồng do lỗi của Bên kia gây ra, nhưng phải báo cho Bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện hợp đồng; trường hợp bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên thiệt hại. Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm dừng hợp đồng hai bên tự thoả thuận để khắc phục.

7.3. Chấm dứt hợp đồng

7.3.1 Chấm dứt khi các bên hoàn thành nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng.

7.3.2 Chấm dứt hợp đồng bởi Bên A: Bên A có thể chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau:

Nếu sau 10 ngày kể từ ngày Bên A gửi thông báo cho Bên B về các sai sót hoặc chậm trễ của Bên B trong việc thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng mà Bên B không có biện pháp khắc phục sửa chữa hoặc cố tình không sửa chữa.

Trong trường hợp Bên B bị giải thể hoặc phá sản hoặc bị pháp luật cấm hoạt động.

7.3.3 Chấm dứt hợp đồng do bất khả kháng: Trong trường hợp xảy ra bất khả kháng, khi các bên đã nỗ lực cố gắng tối đa trong vòng 20 ngày nhằm khắc phục hậu quả để tiếp tục thực hiện hợp đồng nhưng không thể khắc phục được thì Hợp đồng sẽ chấm dứt.

7.4. Thanh toán trong trường hợp chấm dứt hợp đồng

Trong trường hợp chấm dứt hợp đồng theo khoản 7.3.2: Việc thanh toán sẽ không được thực hiện. Bên B sẽ phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã nhận của Bên A mà không được khấu trừ bất cứ một khoản tiền nào, đồng thời phải chịu bồi thường mọi thiệt hại phát sinh do việc chấm dứt hợp đồng.

Trong trường hợp chấm dứt hợp đồng theo khoản 7.3.3: Hai bên cùng thương thảo để xác định giá trị hợp đồng và tỷ lệ phần trăm thanh toán theo khối lượng mà bên B đã thực hiện.

Điều 8. Phạt vi phạm hợp đồng

Nhà thầu vi phạm về thời hạn thực hiện Hợp đồng mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc không do lỗi của Chủ đầu tư gây ra, nhà thầu sẽ chịu phạt như sau: Nếu sản phẩm hoàn thành chậm hơn so với thời gian quy định trong Hợp đồng, do lỗi của Nhà thầu gây ra thì Nhà thầu phải chịu bù đắp mọi tổn thất và phải chịu phạt theo mức phạt bằng 0,2% giá trị Hợp đồng bị vi phạm cho mỗi ngày chậm tiến độ, nhưng tổng số mức phạt do vi phạm hợp đồng được tích lũy lại sẽ không được vượt quá 12% tổng giá trị Hợp đồng bị vi phạm.

Nhà thầu vi phạm do không hoàn thành đủ số lượng sản phẩm hoặc chất lượng sản phẩm không đạt yêu cầu quy định trong Hợp đồng thì nhà thầu phải làm lại cho đủ khối lượng và đúng chất lượng của sản phẩm.

Điều 9. Giải quyết tranh chấp

Nếu có tranh chấp giữa các Bên liên quan đến Hợp đồng này hoặc bất cứ vấn đề gì phát sinh, các Bên phải lập tức tiến hành thương lượng để giải quyết vấn đề một cách hữu hảo. Nếu thương lượng không có kết quả thì trong vòng 10 ngày kể

từ ngày phát sinh tranh chấp, các Bên sẽ đệ trình vấn đề lên Trọng tài kinh tế Hà Nội để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam hoặc toà án Nhân dân theo qui định của Pháp luật. Quyết định của Trọng tài hay Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc các Bên phải thực hiện.

Điều 10. Điều khoản chung

10.1. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.

10.2. Trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng không bên nào được tiết lộ bí mật về các tài liệu có liên quan đến dự án này cho bên thứ ba trừ khi có sự đồng ý bằng văn bản của bên kia hoặc theo quy định của pháp luật.

10.3. Trong quá trình thực hiện nếu có công việc phát sinh thì hai bên chủ động thương lượng giải quyết. Khi cần sẽ lập phụ lục hợp đồng hoặc biên bản bổ sung hợp đồng.

10.4. Hai Bên cam kết thi hành đầy đủ những điều khoản trên tạo mọi điều kiện thuận lợi để hợp đồng được hoàn thành đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng.

10.5. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký và được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Trần Đình Kiên

ĐẠI DIỆN BÊN A



CHỦ TỊCH HĐQT
KIỂM GIÁM ĐỌC
Huỳnh Thị Liên

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ DỰ TOÁN
CÔNG TRÌNH: THỦY ĐIỆN NẠM TẮNG 3

HẠNG MỤC: KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT

(Kèm theo hợp đồng số 01-2020/HĐKT ngày 10/07/2020)

STT	Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
		KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH				
1		Lập bản đồ địa chất công trình				
<i>1.1</i>		<i>Bản đồ địa chất công trình tỷ lệ 1:10.000</i>				
CK.31530		Đo vẽ bản đồ địa chất công trình tỷ lệ 1/10.000, cấp phức tạp III	km2	2,43	90.795.816	220.633.833
<i>1.2</i>		<i>Bản đồ địa chất công trình tỷ lệ 1:2000</i>				
CK.31530		Đo vẽ bản đồ địa chất công trình tỷ lệ 1/2.000 tuyến đập chính, cấp phức tạp III	ha	5,0	6.787.156	33.935.778
CK.31530		Đo vẽ bản đồ địa chất công trình tỷ lệ 1/2.000 tuyến đập phụ, cấp phức tạp III	ha	3,40	6.792.317	23.093.876
CK.31730		Đo vẽ bản đồ địa chất công trình tỷ lệ 1/2.000 khu vực cau mang, duong ong ap luc nhà máy, cấp phức tạp III	ha	9,20	6.792.317	62.489.312
2		Khoan khảo sát (12 hố khoan, tổng chiều sâu 440m)				
<i>2.1</i>		<i>Khoan trên cạn</i>				
CC.01101		Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá I-III	m	25,0	1.436.832	35.920.802
CC.01102		Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá IV-VI	m	50,0	2.105.830	105.291.518
CC.01103		Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá VII-VIII	m	75,0	3.009.012	225.675.912
CC.01104		Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá IX-X	m	60,0	2.912.571	174.754.231
CC.01105		Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá XI-XII	m	60,0	3.800.546	228.032.774
		<i>Bơm cấp nước phục vụ công tác khoan</i>				
CC.02101		Bơm tiếp nước phục vụ khoan trên cạn, độ sâu hố khoan đến 30m, cấp đất đá I-III	m	25,0	339.187	8.479.668
CC.02102		Bơm tiếp nước phục vụ khoan trên cạn, độ sâu hố khoan đến 30m, cấp đất đá IV-VI	m	50,0	499.801	24.990.054

STT	Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
	CC.02103	Bơm tiếp nước phục vụ khoan trên cạn, độ sâu hố khoan đến 30m, cấp đất đá VII-VIII	m	75,0	689.432	51.707.377
	CC.02104	Bơm tiếp nước phục vụ khoan trên cạn, độ sâu hố khoan đến 30m, cấp đất đá IX-X	m	60,0	745.537	44.732.191
	CC.02105	Bơm tiếp nước phục vụ khoan trên cạn, độ sâu hố khoan đến 30m, cấp đất đá XI-XII	m	60,0	862.224	51.733.421
2,2		Khoan dưới nước				
	CC.31120	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở dưới nước, độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá IV-VI	m	25,0	1.860.514	46.512.854
	CC.31130	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở dưới nước, độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá VII-VIII	m	70,0	2.725.240	190.766.788
	CC.31140	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở dưới nước, độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá IX-X	m	45,0	2.669.828	120.142.264
	CC.31150	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở dưới nước, độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá XI-XII	m	30,0	2.910.975	87.329.256
3		Ép nước thí nghiệm				
		Ép nước thí nghiệm trong lỗ khoan		15,0	10.276.344	154.145.157
		Tổng cộng đơn giá sau thuế				1.890.367.065
		Trong đó				
		Giá trị trước thuế				1.718.515.514
		Thuế VAT				171.851.551



CHỦ TỊCH HĐQT
KIỂM GIAM ĐỐC
Nguyễn Thị Liên

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIAM ĐỐC

PGS.TS. Trần Đình Kiên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC

(Gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng)

(Kèm theo Hợp đồng kinh tế số 01-2020/HĐKT kí ngày 10/07/2020)

- Căn cứ vào Hợp đồng kinh tế số 01-2020/HĐKT kí ngày 10/07/2021 giữa Công ty Cổ phần Tư vấn Tài nguyên và Môi trường Việt Nam với Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mô địa chất về việc: Khảo sát địa chất công trình thủy điện Nậm Tằng 3, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái - Giai đoạn nghiên cứu khả thi - thiết kế dự án.

- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng thực hiện của hai bên.

Hôm nay ngày 05 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Công ty Cổ phần Tư vấn Tài nguyên và Môi trường Việt Nam, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Đại diện Bên A: Công ty Cổ phần Tư vấn Tài nguyên và môi trường Việt Nam

- Đại diện Bà: Huỳnh Thị Liên Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm GD
- Mã số thuế: 0101785883
- Tài khoản: 115000012663
- Tại Ngân hàng: TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân, TP Hà Nội
- Địa chỉ ĐKKD: Số 41, ngõ 67, tổ 9, đường Khương Trung, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
- Văn phòng giao dịch: Liền kề 05-12A, khu đô thị An Hưng, phường Dương Nội, quận Hà Đông, TP Hà Nội
- Điện thoại: 024 22253259

2. Đại diện Bên B: Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mô Địa chất

- Đại diện Ông: Trần Đình Kiên Chức vụ: Giám đốc
- Mã số thuế: 0101074336
- Tài khoản: 111000037499
- Tại Ngân hàng: TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long TP Hà Nội
- Địa chỉ: Số 36, ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội
- Điện thoại:

Hai bên thống nhất ký kết Phụ lục bổ sung Hợp đồng kinh tế số 01-2020/HĐKT ngày 10 tháng 07 năm 2020, với các điều khoản cụ thể sau :

Điều 1: Điều chỉnh thời gian hợp đồng:

- Điều chỉnh thời gian và tiến độ thực hiện công tác khảo sát địa chất, cụ thể như sau :

1) Theo Điều 1 của Hợp đồng kinh tế số 01-2020/HĐKT, thời gian bắt đầu thực hiện Hợp đồng từ tháng 07/2020. Tuy nhiên, do nhiều lý do khách quan và chủ quan, tiến độ tạm ứng hợp đồng của Chủ đầu tư cho bên A chậm hơn so với thời gian trong Hợp đồng, nên thời gian thực hiện hợp đồng phải tạm dừng so với dự kiến ban đầu. Thời gian thực hiện công tác khảo sát dự kiến bắt đầu từ tháng 03 năm 2021.

2) Tiến độ thực hiện công tác khảo sát địa chất dự kiến: 05 tháng bắt đầu từ khi phụ lục hợp đồng có hiệu lực.

Điều 2: Điều khoản chung:

- Phụ lục Hợp đồng này là một phần không tách rời của Hợp đồng kinh tế số 01-2020/HĐKT kí ngày 10/07/2020 về việc: Khảo sát địa chất dự án thủy điện Nậm Tằng 3, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái - Giai đoạn nghiên cứu khả thi - thiết kế dự án.

- Phụ lục hợp đồng này được lập thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
H. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI
CHỦ TỊCH HĐQT
KIỂM GIẢM ĐỌC
Huyền Thị Liên

ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN, THIÊN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT
H. BÀ TRUNG - TP. HÀ NỘI
GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Trần Đình Kiên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỒ SƠ QUYẾT TOÁN

DỰ ÁN: KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN NẠM TẮNG 3

GIẢI ĐOẠN: NGHIÊN CỨU KHẢ THI - THIẾT KẾ DỰ ÁN

ĐỊA ĐIỂM: HUYỆN TRẠM TÁU, TỈNH YÊN BÁI

**BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆT NAM**

**BÊN B: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG
MÔ ĐỊA CHẤT**

Yên Bái - 2021

BẢNG ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Dự án: Khảo sát địa chất công trình thủy điện Nậm Tắng 3, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái - Giai đoạn nghiên cứu khả thi - thiết kế dự án

Bên A: Công ty Cổ phần Tư vấn Tài nguyên và Môi trường Việt Nam

Bên B: Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất

Căn cứ Hợp đồng kinh tế số: 01-2020/HĐKT ngày 10/07/2020 và Phụ lục ngày 05/03/2021

Căn cứ bảng tổng hợp giá trị khối lượng hoàn thành

STT	NỘI DUNG	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	GHI CHÚ
1	Giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng	1.890.367.065	
2	Giá trị khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng	0	
3	Giá trị đã Tạm ứng	0	
4	Giá trị thanh toán	1.890.367.065	

Bảng chữ: Một tỷ tám trăm chín mươi triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn không trăm sáu mươi lăm đồng

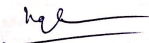
Hà Nội, ngày 17 tháng 09 năm 2021

ĐẠI DIỆN BÊN B

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ
VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

P. KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH

P. KH&KT


Nguyễn Thị Lan

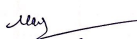

Phạm Duy Anh



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

P. TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

P. KH&KT


Lê Văn Úi


Vũ Đức Hợp



CHỦ TỊCH HĐQT
KIỂM GIAM ĐỐC
Nguyễn Thị Liên

BẢNG CHI TIẾT KHỐI LƯỢNG, ĐƠN GIÁ HỢP ĐỒNG
CÔNG TRÌNH: THỦY ĐIỆN NẠM TẮNG 3
HẠNG MỤC: KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT
GIẢI ĐOẠN LẬP BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI - THIẾT KẾ DỰ ÁN

Phụ lục

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá sau thuế	Thành tiền HĐ
	KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH				
1	Lập bản đồ địa chất công trình				
1.1	Bản đồ địa chất công trình tỷ lệ 1:10,000				
	Đo vẽ bản đồ địa chất công trình tỷ lệ 1/10.000, cấp phức tạp III	km2	2,43	90.795.816	220.633.833
1.2	Bản đồ địa chất công trình tỷ lệ 1:2000				
	Đo vẽ bản đồ địa chất công trình tỷ lệ 1/2.000 tuyến đập chính, cấp phức tạp III	ha	5,0	6.787.156	33.935.778
	Đo vẽ bản đồ địa chất công trình tỷ lệ 1/2.000 tuyến đập phụ, cấp phức tạp III	ha	3,40	6.792.317	23.093.876
	Đo vẽ bản đồ địa chất công trình tỷ lệ 1/2.000 khu vực cầu máng, đường ống áp lực, nhà máy, cấp phức tạp III	ha	9,20	6.792.317	62.489.312
2	Khoan khảo sát (12 hố khoan, tổng chiều sâu 440m)				
2.1	Khoan trên cạn				
	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá I-III	m	25,0	1.436.832	35.920.802
	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá IV-VI	m	50,0	2.105.830	105.291.518
	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá VII-VIII	m	75,0	3.009.012	225.675.912
	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá IX-X	m	60,0	2.912.571	174.754.231
	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá XI-XII	m	60,0	3.800.546	228.032.774
	Bơm cấp nước phục vụ công tác khoan				

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá sau thuế	Thành tiền HĐ
	Bơm tiếp nước phục vụ khoan trên cạn, độ sâu hồ khoan đến 30m, cấp đất đá I-III	m	25,0	339.187	8.479.668
	Bơm tiếp nước phục vụ khoan trên cạn, độ sâu hồ khoan đến 30m, cấp đất đá IV-VI	m	50,0	499.801	24.990.054
	Bơm tiếp nước phục vụ khoan trên cạn, độ sâu hồ khoan đến 30m, cấp đất đá VII-VIII	m	75,0	689.432	51.707.377
	Bơm tiếp nước phục vụ khoan trên cạn, độ sâu hồ khoan đến 30m, cấp đất đá IX-X	m	60,0	745.537	44.732.191
	Bơm tiếp nước phục vụ khoan trên cạn, độ sâu hồ khoan đến 30m, cấp đất đá XI-XII	m	60,0	862.224	51.733.421
2.2	Khoan dưới nước				
	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở dưới nước, độ sâu hồ khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá IV-VI	m	25,0	1.860.514	46.512.854
	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở dưới nước, độ sâu hồ khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá VII-VIII	m	70,0	2.725.240	190.766.788
	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở dưới nước, độ sâu hồ khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá IX-X	m	45,0	2.669.828	120.142.264
	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở dưới nước, độ sâu hồ khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá XI-XII	m	30,0	2.910.975	87.329.256
3	Ép nước thí nghiệm				
	Ép nước thí nghiệm trong lỗ khoan	đoạn	15,0	10.276.344	154.145.157
	Tổng giá trị sau thuế				1.890.367.065

Bảng chú: Một tỉ tám trăm chín mươi triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn không trăm sáu mươi lăm đồng.

ĐẠI DIỆN BÊN B

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ
VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT**

P.KH&KT

Phạm Duy Anh

Phạm Duy Anh



GIAM ĐOC
PGS.TS. Trần Linh Kiên

ĐẠI DIỆN BÊN A

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM**

P.KH&KT

Nguyễn Thị Liên



**CHỦ TỊCH HĐQT
KIỂM GIÂM ĐOC**
Nguyễn Thị Liên

BIÊN BẢN: 2021/NT - KS

NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH

1. Dự án đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Nậm Tăng 3

2. Công trình: Tư vấn khảo sát địa chất - Giai đoạn báo cáo nghiên cứu khả thi - Thiết kế Dự án

3. Địa điểm: Huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái

4. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

4.1. Đại diện bên A: CÔNG TY CP TƯ VẤN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Bà: Huỳnh Thị Liên

Chức vụ: Giám đốc

Ông: Vũ Đức Hiệp

Chức vụ: T.Phòng KH-KT

4.2. Đại diện bên nhận thầu: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Ông: Trần Đình Kiên

Chức vụ: Giám đốc

Ông:

Chức vụ:

5. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu: 8 giờ 00 phút, ngày 24 tháng 09 năm 2021

Kết thúc: 15 giờ 00 phút, ngày 24 tháng 09 năm 2021

Tại hiện trường xây lắp: Huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái

6. Đánh giá chất lượng hạng mục công trình xây dựng:

a. Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

* Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

* Nghị định số 46/2015/TT-BXD ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

* Hợp đồng kinh tế số: 27.03/2020/HĐ-TVKS ngày 27/03/2020 giữa Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển Trường Thành và Công ty Cổ phần tư vấn tài nguyên và Môi trường Việt Nam về việc: Tư vấn khảo sát địa hình địa chất Dự án đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Nậm Tăng 3, giai đoạn lập báo cáo nghiên cứu khả thi - thiết kế dự án.

* Hợp đồng kinh tế số 01-2020/HĐKT kí ngày 10/07/2020 giữa Công ty CP Tư vấn Tài nguyên và Môi trường Việt Nam với Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ Địa chất về việc: Khảo sát địa chất công trình thủy điện Nậm Tăng 3, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái - Giai đoạn Nghiên cứu khả thi - thiết kế dự án.

* Phụ lục gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng kí ngày 05/03/2021 kèm theo Hợp đồng kinh tế số 01-2020/HĐKT kí ngày 10/07/2020 giữa Công ty CP Tư vấn Tài nguyên và Môi trường Việt Nam với Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ Địa chất.

* Đề cương nhiệm vụ khảo sát địa hình, địa chất Dự án đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Nậm Tăng 3 giai đoạn báo cáo nghiên cứu khả thi và thiết kế dự án;

* Quy chuẩn, tiêu chuẩn khảo sát địa hình, địa chất hiện hành ;

b. Về chất lượng hạng mục tư vấn khảo sát:

+ Kiểm tra hiện trường: Các bên đã đi kiểm tra lại thực địa toàn bộ các hạng mục khảo sát địa chất của dự án. Toàn bộ các công tác khảo sát đã được thực hiện và nghiệm thu từng phần, từng giai đoạn trong quá trình khảo sát;

+ Nhận xét về chất lượng thi công: Đạt yêu cầu theo đề cương được duyệt và các Quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

c. Về khối lượng hoàn thành: Theo bảng xác nhận khối lượng kèm theo

d. Các ý kiến khác nếu có: Không

7. Kết luận:

- Chấp nhận nghiệm thu khối lượng, đồng ý thanh toán theo khối lượng nghiệm thu;
- Kèm theo biên bản này là bảng xác nhận khối lượng công việc hoàn thành theo Hợp đồng;
- Các bên nghiệm thu chất lượng, hồ sơ hoàn công là tài liệu đi cùng hồ sơ nghiệm thu này.

ĐẠI DIỆN BÊN B

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Phòng KH&KT

Phạm Duy Anh



Giám đốc

GIÁM ĐỐC
PG.S.TS. Trần Linh Tiên

ĐẠI DIỆN BÊN A

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Phòng KH&KT

Ước Hiệp



Giám đốc

ĐẠI TỊCH HĐQT
KIỂM GIÁM ĐỐC
Huyền Thị Liên

**BẢNG NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN NẠM TẮNG 3
HẠNG MỤC KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT
GIAI ĐOẠN LẬP BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI - THIẾT KẾ DỰ ÁN**

Phụ lục

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng Hợp đồng	Khối lượng nghiệm thu	Ghi chú
	KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH			-	
1	Lập bản đồ địa chất công trình			-	
1.1	Bản đồ địa chất công trình tỷ lệ 1:10,000			-	
	Đo vẽ bản đồ địa chất công trình tỷ lệ 1/10.000, cấp phức tạp III	km2	2,43	2,4	
1.2	Bản đồ địa chất công trình tỷ lệ 1:2000			-	
	Đo vẽ bản đồ địa chất công trình tỷ lệ 1/2.000 tuyến đập chính, cấp phức tạp III	ha	5,0	5,0	
	Đo vẽ bản đồ địa chất công trình tỷ lệ 1/2.000 tuyến đập phụ, cấp phức tạp III	ha	3,40	3,4	
	Đo vẽ bản đồ địa chất công trình tỷ lệ 1/2.000 khu vực cầu máng, đường ống áp lực, nhà máy, cấp phức tạp III	ha	9,20	9,2	
2	Khoan khảo sát (12 hố khoan, tổng chiều sâu 440m)			-	
2.1	Khoan trên cạn			-	
	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá I-III	m	25,0	25,0	
	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá IV-VI	m	50,0	50,0	
	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá VII-VIII	m	75,0	75,0	
	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá IX-X	m	60,0	60,0	
	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá XI-XII	m	60,0	60,0	
	Bơm cấp nước phục vụ công tác khoan			-	
	Bơm tiếp nước phục vụ khoan trên cạn, độ sâu hố khoan đến 30m, cấp đất đá I-III	m	25,0	25,0	
	Bơm tiếp nước phục vụ khoan trên cạn, độ sâu hố khoan đến 30m, cấp đất đá IV-VI	m	50,0	50,0	
	Bơm tiếp nước phục vụ khoan trên cạn, độ sâu hố khoan đến 30m, cấp đất đá VII-VIII	m	75,0	75,0	
	Bơm tiếp nước phục vụ khoan trên cạn, độ sâu hố khoan đến 30m, cấp đất đá IX-X	m	60,0	60,0	

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng Hợp đồng	Khối lượng nghiệm thu	Ghi chú
	Bơm tiếp nước phục vụ khoan trên cạn, độ sâu hố khoan đến 30m, cấp đất đá XI-XII	m	60,0	60,0	
2.2	Khoan dưới nước			-	
	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở dưới nước, độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá IV-VI	m	25,0	25,0	
	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở dưới nước, độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá VII-VIII	m	70,0	70,0	
	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở dưới nước, độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá IX-X	m	45,0	45,0	
	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở dưới nước, độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá XI-XII	m	30,0	30,0	
3	Ép nước thí nghiệm			-	
	Ép nước thí nghiệm trong lỗ khoan	đoạn	15,0	15,0	

Yên Bái, ngày tháng 09 năm 2021

ĐẠI DIỆN BÊN B

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

P.KH&KT

Phạm Duy Anh



GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Trần Đình Kiên

ĐẠI DIỆN BÊN A

CÔNG TY CP TƯ VẤN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

P. KH&KT

Nguyễn Thị Ngọc



GIÁM ĐỐC
CHỦ TỊCH HĐQT
KIỂM GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Liên

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG

(Hợp đồng số 01-2020/HĐKT)

Căn cứ:

- Hợp đồng kinh tế số 01-2020/HĐKT kí ngày 10/07/2020 giữa Công ty CP Tư vấn Tài nguyên và Môi trường Việt Nam với Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất về việc: Khảo sát địa chất công trình thủy điện Nậm Tăng 3, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái - Giai đoạn Nghiên cứu khả thi - thiết kế dự án.

- Phụ lục gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng kèm theo hợp đồng kinh tế số 01-2020/HĐKT ngày 05/03/2021;

- BBNT số 2021/NT-KS kí ngày tháng 9 năm 2021 Nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành giữa Công ty CP Tư vấn Tài nguyên và Môi trường Việt Nam và Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất.

- Kết quả thực hiện của Bên B.

Hôm nay, ngày 27 tháng 09 năm 2021, tại Văn phòng Công ty CP Tư vấn Tài nguyên và Môi trường Việt Nam, Chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty Cổ phần Tư vấn Tài nguyên và Môi trường Việt Nam

Đại diện Bà: Huỳnh Thị Liên

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

Địa chỉ ĐKKD: Số nhà 41, ngõ 67, tổ 9, đường Khương Trung, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

Địa chỉ VPLV: Liền kề 05-12A, khu đô thị An Hưng, phường Dương Nội, quận Hà Đông, Hà Nội

Điện thoại: 024 22253259

Mã số thuế: 0101785883

Tài khoản số: 115000012663

Tại Ngân hàng: TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân, TP Hà Nội

Bên B: Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất

Đại diện Ông: Trần Đình Kiên

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Số 36, ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Mã số thuế: 0101074336

Tài khoản số: 111000037499

Tại NH: TMCP Công thương VN - CN Nam Thăng Long, Hà Nội

Hai Bên cùng nhau thống nhất làm Biên bản thanh lý Hợp đồng kinh tế số 01-2020/HĐKT như sau:

Điều 1: Nội dung công việc

Công tác Khảo sát địa chất dự án thủy điện Nậm Nậm Tăng 3, giai đoạn nghiên cứu khả thi, thuộc địa phận huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.

Bên B đã hoàn thành nội dung theo yêu cầu của Bên A, hồ sơ đã bàn giao đầy đủ, đảm bảo chất lượng, phù hợp với các tiêu chuẩn quy phạm hiện hành của Nhà nước.

Điều 2: Khối lượng

Hồ sơ bàn giao bao gồm:

- + Báo cáo kết quả khảo sát địa chất Dự án thủy điện Nậm Tăng 3: 07 bộ.
- + Đĩa CD chứa dữ liệu: 01 đĩa (Trừ các kết quả phân tích)

Điều 3: Thanh quyết toán

- | | |
|---|--------------------|
| 1. Giá trị Hợp đồng (đã bao gồm thuế GTGT): | 1.890.367.065 đồng |
| 2. Giá trị nghiệm thu: | 1.890.367.065 đồng |
| 3. Giá trị chấp thuận thanh toán: | 1.890.367.065 đồng |
| 4. Giá trị đã tạm ứng là: | 0 đồng |
| 5. Giá trị còn lại được thanh toán: | 1.890.367.065 đồng |

(Bằng chữ: Một tỷ, tám trăm chín mươi triệu, ba trăm sáu mươi bảy nghìn không trăm sáu mươi lăm đồng).

Sau khi ký kết Biên bản thanh lý hợp đồng, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B toàn bộ số tiền như đã thỏa thuận trong Hợp đồng. Bên B có trách nhiệm xuất trả hoá đơn cho Bên A. Khi đó Hợp đồng kinh tế số 01-2020/HĐKT ký ngày 10/07/2020 sẽ không còn hiệu lực.

Biên bản này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau.



CHỦ TỊCH HĐQT
KIỂM GIÁM ĐỐC
Huyền Thị Liên



GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Trần Linh Tiên